

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công, theo các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế của các chủ đầu tư, trong quá trình triển khai lập dự án có một số dự án phải điều chỉnh nội dung quy mô đầu tư (tăng, giảm một số hạng mục) tại chủ trương đầu tư được duyệt và điều chỉnh lại thời gian thực hiện cho đảm bảo khả năng cân đối bố trí vốn thực hiện. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B sử dụng nguồn vốn đầu tư công là cần thiết và phù hợp theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Đầu tư công.

II. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh chủ trương đầu tư 05 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

với tổng mức đầu tư là **1.270.568** triệu đồng (nguồn vốn ngân sách trung ương là 720.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 381.920 triệu đồng, ngân sách huyện là 35.765 triệu đồng, vốn khác là 132.883 triệu đồng). Cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

1.1. Dự án Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An:

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư một số hạng mục của dự án để đảm bảo nhu cầu sử dụng thực tế nhằm hoàn chỉnh về cơ sở vật chất phục vụ học tập và lưu trú tại chỗ cho các em học sinh, đặc biệt là các em học sinh có hoàn cảnh gia đình phải làm ăn, đi lại với nước bạn Campuchia.
- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư, theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15 tháng 08 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quy mô đầu tư: Cấp tiểu học 12 lớp, cấp trung học cơ sở 04 lớp, hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ và thiết bị). Nay điều chỉnh quy mô thành: Xây mới: Cấp tiểu học 12 lớp, cấp trung học cơ sở 04 lớp, khối phòng học tập, khối hành chính quản trị, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, khối ký túc xá học sinh, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị; Cải tạo: khối hội trường thành bếp và nhà ăn, phòng chức năng thành thư viện và nhà ở công vụ.
- Tổng mức đầu tư dự án: 79.370 triệu đồng (không thay đổi so với chủ trương được duyệt)

1.2. Dự án Trường mầm non Phú Mỹ:

- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư một số hạng mục của dự án để đảm bảo về cơ sở vật chất cho trường đạt chuẩn quốc gia.
- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư, theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quy mô đầu tư: Xây mới: 20 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; Cải tạo: 04 phòng học thành phòng chức năng; Trang thiết bị). Nay điều chỉnh quy mô thành: Xây mới: khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục trẻ (20 phòng học), khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; Cải tạo: 12 phòng học + Nhà vệ sinh hiện trạng; Tháo dỡ hiện trạng; Thiết bị.
- Tổng mức đầu tư dự án: 69.752 triệu đồng (không thay đổi so với chủ trương được duyệt)

1.3. Dự án Trường trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm:

- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư một số hạng mục của

dự án để đảm bảo về cơ sở vật chất cho trường đạt chuẩn quốc gia và góp phần hoàn thành thành tiêu chí để huyện Châu Thành đạt huyện Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư, theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quy mô đầu tư: Xây mới: 06 phòng học, khối phòng bộ môn, hạ tầng kỹ thuật, hành chính quản trị; Cải tạo: 30 phòng học, 06 phòng học bộ môn, hạ tầng kỹ thuật). Nay điều chỉnh quy mô thành: Xây mới: khối 06 phòng học, một số phòng thuộc Khối phòng học bộ môn, khối phụ trợ, khối phòng hỗ trợ học tập, khối hành chính quản trị; Cải tạo: 30 phòng học, 06 phòng học bộ môn, khối phòng hành chính quản trị, thư viện, một số phòng thuộc Khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.

- Tổng mức đầu tư dự án: 61.417 triệu đồng (không thay đổi so với chủ trương được duyệt)

2. Lĩnh vực Y tế:

* Dự án Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang:

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, An Giang.

- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh tổng diện tích khu đất từ 898 m² thành 1.039 m² và diện tích sàn xây dựng từ 10.776 m² thành 12.041 m², điều chỉnh giảm 02 phòng khám tầng trệt và bổ sung cầu thang thoát hiểm cho phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư, theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quy mô đầu tư: Tổng diện tích khu đất 898 m²; tổng diện tích sàn xây dựng mới: 10.776 m²; trang thiết bị y tế. Nay điều chỉnh quy mô thành: Tổng diện tích khu đất xây dựng 1.039 m²; tổng diện tích sàn xây dựng: 12.041 m²; trang thiết bị y tế, điều chỉnh giảm 02 phòng khám tầng trệt, bổ sung cầu thang thoát hiểm. Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư từ 180.982 triệu đồng lên 196.029 triệu đồng (tăng 15.047 triệu đồng từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị).

- Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 196.029 triệu đồng (tăng 15.047 triệu đồng so với chủ trương được duyệt)

3. Lĩnh vực Giao thông:

* Dự án Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài):

- Địa điểm thực hiện dự án: Phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên và thị trấn An Châu, xã Bình Hòa, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư do thay đổi phương án tuyến cho phù hợp theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô đầu tư, theo Nghị quyết số

04/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quy mô đầu tư: 11,8km đường và 06 cầu dài 186m và 14 cống ngang đường. Nay điều chỉnh quy mô đầu tư thành: 10,942km đường, 08 cầu và 16 cống ngang đường.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

III. THÔNG TIN MỖI DỰ ÁN BAO GỒM MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU SAU:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Quy mô đầu tư;
6. Tổng mức đầu tư;
7. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;
9. Tiến độ thực hiện;
10. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;
11. Cơ chế và giải pháp;
12. Chính sách thực hiện.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Phước

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Kèm theo Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Linh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư												
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG CỘNG						1.255.521	720.000	381.920	35.765	117.836	715.335	38.786	290.217	211.183				1.270.568	720.000	381.920	35.765	132.883	725.970	55.824	290.217	198.557			
1	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						210.539	0	174.774	35.765	0	130.868	24.656	12.532	42.483				210.539	0	174.774	35.765	0	130.844	24.680	12.532	42.483			
1	Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An	AP	Ban QLDA ĐTXD Khu vực huyện An Phú	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/08/2022	Cấp tiểu học 12 lớp, cấp trung học cơ sở 04 lớp, hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ và thiết bị	Đầu tư xây dựng Trường tiểu học và trung học cơ sở nội trú Khánh An tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân lực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	79.370		58.732	20.638		49.452	9.280	3.997	16.641	2022-2025	04 năm								49.428	9.304	3.997	16.641	2022-2025	04 năm
2	Trường mầm non Phú Mỹ	PT	Ban QLDA ĐTXD Khu vực huyện Phú Tân	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	Xây mới 20 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, HTKT Cải tạo: 04 phòng học thành phòng chức năng Trưng thiết bị	Việc cải tạo và xây dựng mới các hạng mục sẽ giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất cần thiết cho trường mầm non Phú Mỹ, thực hiện mục tiêu xây dựng trường mầm non Phú Mỹ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thị trấn Phú Mỹ nói riêng và huyện Phú Tân nói chung	69.752		54.625	15.127		47.475	7.150		15.127	2023-2026	04 năm								47.475	7.150		15.127	2023-2026	04 năm
3	Trường trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	CT	Ban QLDA ĐTXD và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/07/2021, Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HTHT, HCQT; Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417			33.941	8.226	8.535	10.715	2023-2026	04 năm								33.941	8.226	8.535	10.715	2023-2026	04 năm
II	Y TẾ, DẪN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						180.982	-	63.146	-	117.836	126.291	14.130	-	40.561				196.029	-	63.146	-	132.883	136.950	31.144	-	27.935			

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chi trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung đề xuất điều chỉnh chi trương đầu tư												
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiền độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiền độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
1	Xây dựng mở rộng khu điều trị nội trú (nội trú 2) Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	LX	BV BKTT AG	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Tổng diện tích khu đất: 898 m ² ; Xây dựng mới: 10.776 m ² ; trang thiết bị y tế.	Công trình sau khi hoàn thành nhằm phục vụ nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân, giải quyết tình trạng quá tải tại các khoa, thực hiện công bằng và hiệu quả trong việc tạo điều kiện người bệnh tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng.	180.982		63.146		117.836	126.291	14.130		40.561	2020-2024	05 năm (trong đó năm 2020 bố trí vốn CBĐT, năm 2021-2024 bố trí vốn thực hiện dự án	Tổng diện tích khu đất: 1.039 m ² ; Xây dựng mới: 12.041 m ² ; trang thiết bị y tế, điều chỉnh giảm 02 phòng khám tăng trệt, bổ sung cầu thang thoát hiểm.	Công trình sau khi hoàn thành nhằm phục vụ nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân, giải quyết tình trạng quá tải tại các khoa, thực hiện công bằng và hiệu quả trong việc tạo điều kiện người bệnh tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng.	196.029		63.146		132.883	136.950	31.144	0	27.935	2020-2024	05 năm (trong đó năm 2020 bố trí vốn CBĐT, năm 2021-2024 bố trí vốn thực hiện dự án
III	GIAO THÔNG						864.000	720.000	144.000	0	0	458.176	0	277.685	128.139					864.000	720.000	144.000	0	0	458.176	0	277.685	128.139		
1	Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài)	LX, CT	Ban QLDA ĐTXD CTGT & NN tỉnh An Giang	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/07/2021; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 14/4/2022	11,8km đường và 6 cầu dài 186m và 14 công ngang đường	Giảm áp lực giao thông đoạn QL91 qua địa phận thị trấn An Châu và Đường tỉnh 941 và phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành	864.000	720.000	144.000			458.176		277.685	128.139	2022-2025	04 năm	10.942km đường, 8 cầu và 16 công ngang đường	Giảm áp lực giao thông đoạn QL91 qua địa phận thị trấn An Châu và Đường tỉnh 941 và phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành	864.000	720.000	144.000			458.176		277.685	128.139	2022-2025	04 năm